



# QUẢN LÝ NHÓM NGƯỜI DÙNG

# Nội dung

- Định nghĩa Nhóm người dùng
- Quản lý Nhóm người dùng

# Giới thiệu Nhóm người dùng

- Nhóm là 1 tập hợp logic các đối tượng:
  - Người dùng
  - Máy tính
  - Nhóm khác

# Kiểu Nhóm người dùng

- Có hai kiểu nhóm:

- Security Group:

- Dùng để gán quyền
- Cũng có thể dùng để gửi email cho toàn thành viên trong nhóm



- Distribution Group:

- Không thể gán quyền
- Sử dụng để gửi email theo nhóm



# Phạm vi nhóm

- Nhóm toàn cục (Global)
- Nhóm phổ quát (Universal)
- Nhóm cục bộ miền (Local Domain)
- Nhóm cục bộ (Local)

# Nhóm toàn cục

- Định nghĩa:
  - Dùng để cấp phát những quyền hệ thống và quyền truy cập trong phạm vi một miền.
- Quyền:
  - Một nhóm global có thể đặt vào trong một nhóm local của các server thành viên trong miền
- Cách dùng:
  - Áp dụng cho các đối tượng người dùng

# Nhóm phổ quát

- Thành viên:

- Nhóm toàn cục của bất cứ domain nào trong rừng
- Tài khoản người dùng và máy tính của bất cứ domain nào trong rừng
- Nhóm toàn cục từ bất cứ domain nào trong rừng

- Quyền:

- Có thể gán quyền trong bất cứ domain nào trong rừng hoặc trong các domain có<sup>7</sup>

# Nhóm cục bộ miền

- Thành viên:
  - Tài khoản từ bất cứ domain nào trong rừng
  - Nhóm toàn cục từ bất cứ domain nào trong rừng
  - Nhóm phổ quát từ bất cứ domain nào trong rừng
- Quyền:
  - Gán quyền chỉ trong cùng domain với nhóm cục bộ





# Nhóm cục bộ

- Thành viên:
  - Người dùng cục bộ
- Quyền:
  - Nhóm cục bộ chỉ gán quyền trên máy tính cục bộ
  - Không thể tạo nhóm cục bộ trên Domain Controller

# Nhóm lồng

- Nhóm lồng cho phép các nhóm có thể là thành viên của nhiều nhóm khác
- Ưu điểm của việc sử dụng chiến lược lồng nhóm trong việc quản trị các nhóm AD DS:
  - Tạo nhóm có thành viên là thành viên của nhóm khác, làm giảm tính lặp lại
  - Việc lồng các nhóm làm đơn giản hóa việc quản trị

# Thuộc tính tên nhóm

- Thuộc tính tên
  - Tên nhóm: là duy nhất trong OU
  - Tên nhóm (pre-Windows 2000 Server): sAMAccountName của nhóm phải là duy nhất trong domain
  - Dùng chung 1 tên (duy nhất trong domain) cho cả 2 thuộc tính tên trên

# Các quy tắc đặt tên nhóm

| Cơ chế đặt tên                   | <ul style="list-style-type: none"><li>• Tránh tên quá dài</li><li>• Tránh tên phổ biến</li></ul>                 |
|----------------------------------|--|
| Sử dụng tên mô tả đúng chức năng | <ul style="list-style-type: none"><li>• Sales</li><li>• Marketing</li><li>• Executives</li></ul>                 |
| Sử dụng tên mô tả vị trí địa lý  | <ul style="list-style-type: none"><li>• Nước</li><li>• Bang</li><li>• Thành phố</li></ul>                        |
| Sử dụng tên dự án                | <ul style="list-style-type: none"><li>• Nếu nhóm thiết lập cho 1 dự án thì đặt tên nhóm theo tên dự án</li></ul> |

# Xác định thành phần của nhóm

## Members tab

Thành viên của nhóm được liệt kê trong tab Member Tab

- Người dùng đơn lẻ
- Nhóm lồng

## Members Of tab

Tab Members Of liệt kê các nhóm mà nhóm này hiện đang thuộc vào

# Công cụ quản trị nhóm

- Để tạo và quản trị các nhóm trong AD DS, có thể dùng:
- Active Directory Users and Computers
- Active Directory Administrative Center (chỉ dành cho bản R2)
- Windows PowerShell với module Active Directory (chỉ dành cho bản R2)
- Các câu lệnh DS

# Quản trị thành viên nhóm

- Các phương pháp:
  - Sử dụng thẻ Member của nhóm (Add/Remove)
  - Sử dụng thẻ MemberOf của thành viên (Add/Remove)
  - Câu lệnh thêm thành viên vào 1 nhóm (Add)
- Những thay đổi của thành viên sẽ không được áp dụng tức thời
  - Đòi hỏi phải đăng nhập (đối với người



# Chuyển đổi phạm vi và kiểu nhóm

- Trong Active Directory Users and Computers, có thể đổi kiểu nhóm:
  - Từ Security thành distribution (mất quyền gán vào nhóm)
  - Từ Distribution thành security
- Trong Active Directory Users and Computers, có thể thay đổi phạm vi nhóm:
  - Nhóm toàn cục thành nhóm phổ quát
  - Nhóm cục bộ miền thành nhóm phổ quát